TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : CNSH ứng dụng trong CBTS (206510) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08117009	TRẦN PHẠM THÙY	ANH	DH08CT	1		6,3	6	3
2	08117021	HUỲNH THỊ BÉ	DIỄM	DH08CT	1		7,5	7	5
3	07117022	LÊ HOÀNG	DŨNG	DH08CT	1		1,5	1	5
4	08117036	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	DH08CT	1		8,3	8	3
5	08117045	LÊ NGỌC	HÂN	DH08CT	1		5,3	5	3
6	08117050	HUỲNH THỊ	HIỀN	DH08CT	1		6,0	6	0
7	08117055	PHẠM THỊ	HIỀN	DH08CT	1		6,3	6	3
8	08117061	MAI LÊ NGỌC	HIỆN	DH08CT	1		6,0	6	0
9	08117057	NGUYỄN THỊ THU	HIẾU	DH08CT	1		5,0	5	0
10	08117066	NGUYỄN PHI	HỔ	DH08CT	1		6,5	6	5
11	08117073	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH08CT	1		5,0 (phẩy)	5	0
12	08117076	VÕ VĂN	HƯNG	DH08CT	1		5,3	5	3
13	08117077	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	DH08CT	1		4,4	4	4
14	08117078	TRẦN THỊ	HƯƠNG	DH08CT	1		7,3	7	3
15	08117080	MẠC VĂN	HỮU	DH08CT	1		4,0	4	0
16	08117081	ĐỖ DUY	KHANH	DH08CT	1		6,4	6	4
17	08117091	ĐỒNG THỊ TUYẾT	LAN	DH08CT	1		9,0	9	0
18	08117093	NGUYỄN VĂN	LÂM	DH08CT	1		8,5	8	5

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Cán bộ coi thi 1&2

Cán bộ coi thi không ký tên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thị Kim Phương

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : CNSH ứng dụng trong CBTS (206510) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08117106	TRẦN VĂN	LONG	DH08CT	1		7,0	7	0
20	08117109	LÊ ĐỨC	LỘC	DH08CT	1		7,5	7	5
21	07117099	NGUYỄN KIM	NGÂN	DH08CT	1		1,0	1	0
22	09117111	THỔ THỊ THÚY	NGÂN	DH09CT	1		5,5	5	5
23	08117134	NGUYỄN THỊ	NHÂN	DH08CT	1		8,2	8	2
24	08117147	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH08CT	1		8,3	8	3
25	08117160	TRẦN THANH	SINH	DH08CT	1		8,0	8	0
26	08117168	TRẦN THỊ MINH	TÂM	DH08CT	1		8,3	8	3
27	07117145	ĐỖ NHẬT	TÂN	DH08CT	1		5,0	5	0
28	08117171	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	DH08CT	1		5,5	5	5
29	08117174	NGUYỄN TẤN	THÀNH	DH08CT	1		5,0	5	0
30	08117178	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH08CT	1		6,3	6	3
31	08117183	LÊ THỊ HOÀNG	THẮM	DH08CT	1		9,3	9	3
32	09117174	TRẦN CÔNG	THỌ	DH09CT	1		8,8	8	8
33	08117191	NGUYỄN THỊ XUÂN	THƠM	DH08CT	1		5,0	5	0
34	08117193	HUỲNH THỊ	THU	DH08CT	1		5,5	5	5
35	08117195	HỒ THỊ KIM	THUYỀN	DH08CT	1		10	10	0
36	08117201	HỨA THỊ MỸ	TIÊN	DH08CT	1		8,3	8	3

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Cán bộ coi thi 1&2

Cán bộ coi thi không ký tên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ngô Đình Thi

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thị Sao Phương

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Môn Học : CNSH ứng dụng trong CBTS (206510) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 30/11/2010 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	08117211	HỒ THỊ THÙY	TRANG	DH08CT	1		5,6	5	6
38	08117212	PHẠM THỊ	TRANG	DH08CT	1		7,5	7	5
39	08117215	DƯƠNG ĐĂNG	TRÁNG	DH08CT	1		5,3	5	3
40	07117187	NGUYỄN HOÀNG	TRIỆU	DH08CT	1		3,5	3	5
41	08117217	LÊ THẢO	TRINH	DH08CT	1		5,3	5	3
42	08117222	LÂM THANH	TUẤN	DH08CT	1		6,0	6	0
43	08117226	ĐÀO THỊ KIM	TUYỀN	DH08CT	1		7,5	7	5
44	08117227	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	DH08CT	1		6,0	6	0
45	08117229	TRẦN THỊ KIM	TUYẾN	DH08CT	1		5,6	5	6
46	08117231	HỒ NGUYỄN KHÁNH	UYÊN	DH08CT	1		8,0	8	0
47	08117232	NGUYỄN THỊ ÁI	VÂN	DH08CT	1		7,8	7	8
48	08117238	PHAN THỊ	VUI	DH08CT	1		6,0	6	0

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Cán bộ coi thi không ký tên

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ngô Như Tú

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thị Lan Phương

Ngày 20 tháng 12 năm 2010